TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 5- 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Vinh

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Minh K, sinh ngày 05/02/1997

Địa chỉ: Ấp KM, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Teng, Yi - L, sinh ngày 18/8/1988

Địa chỉ: 50-4, lộ C N, khóm 012, phường T N, khu T, thành phố CL, Đài Loan.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Thái Minh K trình bày:

Ông và bà T, Yi - L quen biết, tìm hiểu và có tình cảm yêu thương nhau nên quyết định tiến đến hôn nhân. Ông, bà tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 10/8/2022. Sau khi kết hôn ông bà sống cùng nhau tại Việt Nam, nhưng thời gian chung sống không bao lâu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, dần dần tình cảm phai nhạt và không còn yêu thương nhau.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Teng, Yi - L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Teng, Yi – L trình bày tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 22/12/2022: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Thái Minh K trình bày. Quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Hiện nay bà đang làm việc và sinh sống lâu dài tại Đài Loan, còn ông K thì ở Việt Nam. Vì vậy giữa bà và ông K không thể đoàn tụ, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông K. Con chung, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Thái Minh K và bị đơn bà T, Yi – L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại các Điều 228, 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Thái Minh K:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Thái Minh K và bị đơn bà Teng, Yi – L quen biết, tìm hiểu nhau, có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 10/8/2022. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa ông Thái Minh K và bị đơn bà Teng, Yi – L là hợp pháp.

Ông Thái Minh K và bị đơn bà Teng, Yi – L đều thống nhất xác định, quá trình chung sống do hai bên không hợp nhau về tính cách nên thường phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K yêu cầu được ly hôn và bà Teng, Yi – L đồng ý ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Thái Minh K và bị đơn bà Teng, Yi – L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thái Minh K và bà Teng, Yi – L.

[3] Về con chung: Ông Thái Minh K và bà Teng, Yi – L xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Thái Minh K và bà Teng, Yi – L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí: Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 469, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Minh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thái Minh K được ly hôn với bà Teng, Yi – L.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Thái Minh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0008687 ngày 11/4/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ông Thái Minh K và bà Teng, Yi – L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Út Mẫn